

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/3/2021.

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - Ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Tinh**
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1. Ông **Châu Quốc Tuấn**.
 - 2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tấn Lợi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 544/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Bùi Thị D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** **Nguyễn Văn Ng**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 5, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị D, anh Ng đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình tố tụng nguyên đơn Bùi Thị D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ng chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gáo Giồng. Ban đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tình cảm của chị và anh Ng ngày càng có khoảng cách với nhau, không đầm ấm và hạnh phúc như lúc trước. Chị và anh Ng đã ly thân với nhau rất lâu, có nhiều lần chị chủ động hàn gắn tình cảm với anh Ng nhưng không được, chị cảm thấy tình cảm của chị và anh Ng không còn như trước nữa và mục đích hôn nhân

không đạt được. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Â, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004. Đối với cháu Ân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nghĩa hiện đang sống với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Nghĩa và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại Tờ trình ngày 28/11/2020 và Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 08/12/2020, bị đơn Nguyễn Văn Ng trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Ng thống nhất với phần trình bày của chị D theo Đơn khởi kiện. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh Ng đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Â, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004. Đối với cháu Ân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nghĩa hiện đang sống với chị D, khi ly hôn anh Ng đồng ý cho chị D được tiếp tục nuôi cháu Nghĩa và anh không cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh khó khăn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm:***

1. 01 (một) CMND + Sổ hộ khẩu (bản sao);
2. 01 (một) Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính);
3. 01 (một) Giấy khai sinh Nguyễn Â (bản sao);
4. 01 (một) Giấy khai sinh Nguyễn Hoàng Ng (bản sao);
5. 01 (một) Giấy trích lục kết hôn (bản sao);
6. 01 (một) Văn bản ý kiến của cháu Nguyễn Hoàng Ng (bản chính);
7. 01 (một) Đơn xin xét xử vắng mặt tên Bùi Thị D (bản chính).

*** *Các tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp cho Tòa án gồm:***

1. 01 (một) Tờ trình ngày 28/11/2020 tên Nguyễn Văn Ng (bản chính);
2. 01 (một) Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 08/12/2020 tên Nguyễn Văn Ng (bản chính).

*** *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*** Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử xét thấy, theo yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị D là yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Hội đồng xét xử xét thấy, tranh chấp giữa các đương sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, địa chỉ của bị đơn Nguyễn Văn Ng tại ấp 5, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn Bùi Thị D và bị đơn Nguyễn Văn Ng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Ng theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Ng sống chung với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo Trích lục kết hôn thì số đăng ký là 25 ngày 29/8/2001. Như vậy, hôn nhân của chị D và anh Ng là tự nguyện và hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống: Chị D trình bày ban đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, tình cảm của chị và anh Ng ngày càng có khoảng cách với nhau, không đầm ấm và hạnh phúc như lúc trước. Chị và anh Ng đã ly thân với nhau rất lâu, có nhiều lần chị chủ động hàn gắn tình cảm với anh Ng nhưng không được, chị cảm thấy tình cảm của chị và anh Ng không còn như trước nữa và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

Đồng thời, tại Tờ trình ngày 28/11/2020 và Đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 08/12/2020, bị đơn Nguyễn Văn Ng trình bày: Anh thống nhất với phần trình bày của chị D theo Đơn khởi kiện. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh Ng đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị D.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa chị D và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Xét yêu cầu của chị D về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Â, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004. Đối với cháu Ân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nghĩa hiện đang sống với chị D, khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Nghĩa và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng.

Xét thấy: Căn cứ Giấy khai sinh số 86/2002 của cháu Nguyễn Â và Giấy khai sinh số 47/2004 của cháu Nguyễn Hoàng Ng thể hiện cháu Nguyễn Â và cháu Nguyễn Hoàng Ng cùng có mẹ tên Bùi Thị D và cha tên Nguyễn Văn Ng là phù hợp với lời trình bày của chị D, anh Ng. Nên, chị D và anh Ng có 02 con chung tên Nguyễn Â, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004.

Xét yêu cầu nuôi con của chị D: Đối với cháu Ân đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; Đối với cháu Nguyễn Hoàng Ng hiện đang sống chung với chị D, chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh Ng cũng đồng ý. Đồng thời, theo văn bản ý kiến của cháu Nguyễn Hoàng Ng có nguyện vọng được sống chung với chị D. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị D là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con và anh Ng cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con do hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung thì anh Ng vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị D, anh Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị D, anh Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị D.

[2.5] Về án phí: Chị D là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và

228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị D.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Bùi Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ng.

2. **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Â, sinh ngày 05/6/2002 và Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004. Đối với cháu Ân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nghĩa hiện đang sống với chị D.

Chị Bùi Thị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hoàng Ng, sinh ngày 17/3/2004. Anh Nguyễn Văn Ng không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Ng được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. **Về tài sản chung:** Không có.

4. **Về nợ chung:** Không có.

5. **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Bùi Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số BI/2019/0004376 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Chị D đã nộp xong.

6. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Văn Tinh

